

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HS-PT

Ngày: 07-6-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Th phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Quang Sơn

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Văn Tỉnh; Ông Phạm Văn Ngọt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:**  
Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 38/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Văn Th do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2021/HS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Bến Tre.

*Bị cáo có kháng cáo:* Phạm Văn Th , sinh năm 1970 tại tỉnh Long An; nơi cư trú: ấp A , xã A T, huyện C , Th phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà Phạm Thị Mười S; vợ Nguyễn Thị Hồng V; có một người con sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 17 tháng 4 năm 2020 Phạm Văn Th tham gia uống bia cùng với Đặng Trường Gi , Tiêu Văn Th , Nguyễn Văn Ph tại phòng trọ số 2 của nhà trọ B thuộc ấp T Q , xã T T, huyện C , tỉnh Bến Tre. Uống khoảng vài chai bia Th thấy mệt nên đi về phòng trọ của mình nghỉ, Th1 và Ph cũng về phòng, chỉ còn lại một mình G . Khi Th đi đến gần phòng thì thấy trước phòng trọ số 8 có Bùi Phan D , Nguyễn Văn Ph , Dương Văn H , Trương Minh T đang ngồi uống bia nên Th có vào ngồi chơi. Trong lúc Th đang ngồi thì Đặng Trường Gi đi từ phòng trọ số 2 đến phòng trọ số 8 thì gặp Th và rủ về phòng mình nhậu tiếp nhưng Th từ chối nên G tức giận cự cãi với Th . Sau đó, G đi về phòng trọ của mình lấy hai vỏ chai bia Sài Gòn cầm trên hai tay quay trở lại tìm Th để đánh.

Thấy G đi đến trước phòng trọ số 6 thì Th đứng dậy từ bàn nhậu đi ra cự cãi, giằng co với G thì bị G cầm chai bia trên tay trái đánh vào đầu, G tiếp tục cầm chai bia bên tay phải đánh Th nhưng do vướng vào cây cột sắt làm chai bia bị vỡ nhiều mảnh không đánh được. Bị đánh, Th quay lại chỗ bàn nhậu trước phòng số 8 tìm kiếm hung khí để chống trả thì phát hiện có một con dao thái lan dài khoảng 21,6cm, cán bằng nhựa màu đen dài khoảng 10 cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài khoảng 11,6cm mũi bầu và bề bản rộng nhất khoảng 03cm để ở dưới băng ghế đá nên Th lấy con dao cầm trên tay phải đi lại chỗ G đang đứng đâm vào vùng hông trái của G một cái làm G ngực gãi. Sau đó, G được mọi người đưa đi cấp cứu tại bệnh viện Chợ Rẫy, Th phố Hồ Chí Minh. Riêng Th sau khi gây án xong đã vứt bỏ con dao ở khu vực nhà trọ B rồi về phòng số 7 của mình ngủ. Sau khi xảy ra sự việc Lê Th Nh trình báo công an đến xử lý.

Vật chứng thu giữ: nhiều mảnh vỡ chai bia trọng lượng 320 gam, riêng con dao là hung khí gây án không thu hồi được.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 136-520/TgT ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Bến Tre kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: vết thương vùng hông trái dài 05cm thấu ngực bụng trái; phẫu thuật: mở bụng đường giữa trên và dưới rốn vào ổ bụng thấy vết thương thấu ổ bụng gây: thủng cơ hoành 02 lỗ dài 01cm và 02cm thông vào khoang màng phổi; rách cực trên lách, kích thước 03cm x 04cm; rách phúc mạc thành sau; đứt gần lìa đuôi tụy; thủng giữa thận trái dài 05cm, sâu đến rốn thận; tổn thương các mạch máu vùng rốn thận và đài bể thận;

Xử lý: cắt bỏ thận đuôi tụy; khâu lại cơ hoành; cắt bỏ thận trái; cắt lách; bơm rửa khoang màng phổi; dẫn lưu kín màng phổi trái; dẫn lưu ổ bụng;

Hiện: vết mổ lành sẹo, kích thước 18cm x 0,5cm; còn ống dẫn lưu ổ bụng; không đau bụng; vết thương lành sẹo, kích thước 04cm x 0,3cm; vết mổ dẫn lưu màng phổi trái lành sẹo, kích thước 02cm x 0,2cm; cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây ra;

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 73%;

Ngày 10/6/2020, Phạm Văn Th có đơn yêu cầu giám định lại thương tật;

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 102/20/TgT ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Viện pháp y quốc gia tại Th phố Hồ Chí Minh xác định:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: sẹo kích thước lớn vùng đường trắng bụng trên và dưới rốn: 03%; bốn sẹo kích thước nhỏ vùng thắt lưng – đường nách giữa trái, vùng ngực- đường nách trước trái, vùng mạn sườn trái và vùng hố chậu trái: 04%; thủng cơ hoành 02 lỗ đã phẫu thuật, kết quả tốt: 21%; cắt đuôi tụy: 41%; cắt lách toàn bộ: 31%; cắt bỏ thận trái: 41%;

2. Kết luận: căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên

tại thời điểm giám định của nạn nhân Đặng Trường Gi là 82% theo nguyên tắc cộng tại thông tư; Ngày 29/5/2020, Phân viện pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh không tiến hành giám định đối với Đặng Trường Gi nên không có ý kiến bàn luận về kết luận giám định pháp y về thương tích số 136/520/TgT ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Trung tâm pháp y Bến Tre; vết thương thấu bụng của nạn nhân Đặng Trường Gi là do vật sắc nhọn tác động gây nên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2021/HS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Phạm Văn Th phạm “Tội cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm d khoản 4 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Th 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/3/2021, bị cáo Phạm Văn Th kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm d khoản 4 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn Th 05 năm 06 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt để bị cáo sớm về lo cho cha mẹ già.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: khoảng 21 giờ ngày 17 tháng 4 năm 2020,

tại nhà trọ B thuộc ấp T Q , xã T T, huyện C , tỉnh Bến Tre do mâu thuẫn trong lúc uống bia nên Phạm Văn Th có hành vi dùng dao đâm gây thương tích cho Đặng Trường Gi với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 82%; Do bị cáo đã sử dụng hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho bị hại. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “dùng hung khí nguy hiểm” theo quy định tại điểm d khoản 4 (thuộc trường hợp quy định ở điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với bị cáo là đúng người đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được giảm hình phạt, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, đồng thời mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định là đã có xem xét chiếu cố đáng kể khi quyết định hình phạt. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, hậu quả của tội phạm, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đã đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích” là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm d khoản 4 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Th 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Phạm Văn Th phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện C (3b);
- Công an và VKSND huyện C (2b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- UBND xã A T, huyện C , Th phố Hồ Chí Minh (1b);
- Bị cáo (01b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Quang Sơn**